PHÒNG ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SV BỊ BUỘC THÔI HỌC VÌ TỰ Ý NGHỈ HỌC (ĐTBHK 141 =0) (Bổ sung)
(Đính kèm QĐ số : 259/QĐ-ĐHBK-ĐT ngày 12/03/2015)

Stt	f_masv	holot	ten	f_tenlop	thunhar	codkmh	manv	f_makh	dtbtl	stctl
1	31000621	Lê Văn	Đạt	DC10KT		X	003145	DC	6.80	136
2	80904394	Phạm Hoàng	Nam	XD09VL3		X	002368	XD	6.13	138
3	81101865	Võ ánh	Linh	XD11CD2		X	002362	XD	4.55	62
4	30901346	Lê Thanh	Lâm	DC09DK		X	003026	DC	6.45	142
5	21109001	Hoàng Văn	Anh	CK11LTH		X	002446	CK	5.56	141
6	G0904585	Nguyễn Hồng	Thái	GT09TAU		X	001705	GT	5.65	123
7	20903418	Đỗ Thị Hoàng	Yến	CK09SDET		X	002830	CK	6.81	141
8	20904678	Hàng Lê Quốc	Toàn	CK09HT1		X	003472	CK	5.63	119
9	21000002	Dương Xuân	An	CK10TKM		X	001259	CK	4.78	86
10	21208419	Phan Hoàng	Lam	BD12CN03		X	003419	BD	4.28	35
11	41003813	Nguyễn	Tuệ	DD10DV7		X	002493	DD	4.73	80
12	41303991	Hoàng Xuân	Thuận	DD13LT13	X	X	003431	DD	3.43	20
13	50900484	Phạm Thái	Dương	MT09KT01		X	003230	MT	4.68	95
14	51000103	Phạm Tuấn	Anh	MT10KH01		X	003078	MT	4.75	81
15	51203115	Đinh Quang	Sáng	MT12KT03		X	003048	MT	4.60	39
16	60901553	Lưu Hoàng	Minh	HC09MB		X	001950	HC	6.32	126
17	G0900547	Trần Văn	Đạt	GT09OTO1		X	002474	GT	6.73	143
18	G1100032	Phạm Ngọc	An	GT11TAU1		X	002533	GT	4.11	60
19	1410498	Nguyễn Việt	Danh	XD14XD06		X	002481	XD	0.00	0
20	1410686	Phạm Ngọc	Dũng	CK14CK12		X	003420	CK	0.00	0
21	1410916	Đặng Tấn	Đức	MT1406		X	002043	MT	1.82	4
22	1411074	Phạm Ngọc	Hải	MT1404		X	002919	MT	0.00	0
23	1411675	Đinh Duy	Kha	MT1402		X	002919	MT	1.82	4
24	1413672	Phan Quốc	Thắng	XD14VL1		X	002360	XD	0.00	0
25	1413850	Bạch Quang	Thống	CK14HT2		X	003161	CK	0.00	0
26	1413955	Võ Minh	Thức	VL1403		X	003039	VL	0.00	0
27	1414223	Nguyễn Quốc	Trí	MT1404		X	002606	MT	0.00	0
28	1414233	Trần Mạnh	Trí	KU1402		X	003538	KU	2.22	4
29	1420021	Nguyễn Minh	Đăng	XD14B2D1		X	001911	XD	0.00	0
30	20903312	Trần Thế	Vinh	CK09CTM1		X	002201	CK	5.98	146
31	20903422	Nguyễn Huỳnh Dương	ý	CK09NH		X	002428	CK	6.41	137
32	21002640	Đặng Tấn	Quốc	CK10NH		X	003155	CK	6.37	145
33	21003514	Đặng Văn	Trâm	CK10HT2		X	003314	CK	6.95	145
34	21103101	Ngô Hùng	Tấn	CK11VL		X	003420	CK	5.31	92
35	21108019	Nguyễn Diễm Mai	Duy	BD11CN01		X	001794	BD	7.02	103
36	21301847	Lê Hữu Anh	Khoa	CK13CK03		X	001953	CK	4.13	33
37	41201008	Nguyễn Vũ	Hạo	DD12LT03		X	003414	DD	3.57	37
38	41202353	Hồ Tiến	Nghĩa	DD12LT07		X	003389	DD	4.46	39
39	41203912	Lê Anh	Toàn	DD12LT12		X	003172	DD	4.13	44
40	41204285	Nguyễn Minh	Tuấn	CT12TIE2		X	002494	CT	6.11	69
41	41300507	Nguyễn Bá	Dân	DD13LT02		X	002583	DD	4.53	34
42	41303444	Tạ Thanh	Sơn	DD13BK02		X	002320	DD	3.69	31
43	41303589	Hồ Huỳnh Hải	Thanh	DD13BK01		X	002320	DD	3.58	22
44	50802669	Nguyễn Mậu Quang	Vũ	MT08KH03		X	002609	MT	7.07	145
45	51203388	Đỗ Công	Thành	MT12KH04		X	003379	MT	3.87	33
46	51304114	Nguyễn Minh	Tiến	MT13KH05		X	003381	MT	4.40	34
47	70901218	Bạch Thanh	Khoa	QL09CN1	X	X	001622	QL	5.45	127
48	80900052	Lê Đình Tuấn	Anh	XD09TL1		X	002876	XD	6.19	133
49	81000454	Lê Khương	Duy	XD10CD1		X	002711	XD	6.68	140
50	81302603	Nguyễn Văn	Nguồn	XD13XD09		X	003553	XD	3.57	24
51	ADL13224	Huỳnh Quốc	Việt	CT13TIE3		X	002494	CT	0.84	2
52	AHH13200	Nguyễn Đình	Tiến	CT13AHH		X		CT	4.16	18
53	G0904023	Nguyễn Tuấn	Anh	GT09TAU		X	001705	GT	6.55	142
54	GRF12014	Đinh Bảo	Nhân	CT12GRIF	X	X		CT	3.93	17
55	K0902518	Nguyễn Quan	Thạch	KU09VLY		X	003348	KU	6.34	140
56	K1001563	Trần Đăng	Khoa	KU10VLY		X	002456	KU	6.48	128
57	V0904008	Phan Bình	An	VL09KL		X	001948	VL	6.49	168
58	V1304595	Vũ Trần	Tuấn	VL1303		X	002450	VL	3.73	25